

Bản án số: **130/2018/HS-PT**

Ngày 25-7-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trọng Danh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đức Kỳ

Ông Trần Minh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2018/TLPT-HS ngày 01/6/2018 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn T**, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1993 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ 21, phường A, thành phố D, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lê Văn M và bà Nguyễn Thị H. Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt giam ngày 28/8/2017. Có mặt.

2. **Bùi Tá V**, Sinh ngày 11 tháng 4 năm 1991 tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Tổ 01, phường A, thành phố D, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Tá T và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt giam ngày 28/08/2017. Có mặt.

3. **Phạm Phước L**, Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1998 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, thị xã E, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Phạm Phú B và bà Phạm Thị C; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. **Lê Cao M**, (Tên gọi khác : Nhỏ): Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1998 tại: Tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, thị xã E, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Cao S và bà Lưu Thị Kim L; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Phước L, Lê Cao M: Ông Trần Ngọc Ánh – Luật sư văn phòng Luật sư Quảng Đà. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00' ngày 31/7/2017, tại nhà số 08 F, thuộc phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu trắng- đen, BKS 73B1-165.40, của chị Trần Minh H, để trên vỉa hè, không khóa cổ xe. T đến dắt xe máy trên ra đường rồi nhờ người đi đường đẩy xe tẩu thoát. Sau đó, T gọi điện cho Phạm Phước L trao đổi bán xe với giá 2.600.000 đồng. L rủ Hà Phước Q tới địa điểm lấy xe rồi đăng lên mạng bán. Chị Trần Minh H thấy xe đang rao bán nên trao đổi với L để mua lại xe với giá 4.500.000 đồng, hẹn giao tại Bệnh viện Vĩnh Đức, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Khi L đang giao xe cho chị H thì bị Công an phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt giữ. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 5.000.000 đồng.

Mở rộng điều tra, xác định được như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến ngày 17/8/2017, Lê Văn T và Bùi Tá V đã bàn bạc và cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô để bán kiếm tiền chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ 1: Khoảng 21h00' ngày 02/7/2017, tại khu vui chơi Helio thuộc phường K, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ- đen, BKS 43E1-025.85 của anh Bùi Minh V, để trên vỉa hè, không khóa cổ xe. T cảnh giới, V đến dắt xe máy trên ra đường rồi nhờ người đi đường đẩy xe tẩu thoát. Sau đó, T rao bán xe trên mạng và bán xe cho Nguyễn Minh T với giá 4.500.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt có giá trị **7.000.000đ**.

Vụ thứ 2: Khoảng 22h30' ngày 07/7/2017, tại Cung thể thao Tiên Sơn, thuộc phường K, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ- đen, BKS 43C1-336.72 của anh Đặng Đức K để trên vỉa hè, không khóa cổ xe. V cảnh giới, T đến dắt xe máy trên ra đường rồi nhờ người đi đường đẩy xe tẩu thoát. Sau đó, T rao bán xe trên mạng và bán xe cho Phạm Phước L với giá 6.000.000 đồng. L rủ Lê Cao M cùng đi tới đường Phạm Hùng, quận N để lấy xe, L mượn M 3.500.000 đồng. Sau khi lấy xe về, L đem xe rao bán trên mạng và bán cho anh Hồ Công T với giá 11.700.000 đồng. Số tiền bán xe L đưa lại cho M 3.500.000 đồng còn lại mỗi người được chia số tiền 2.800.000đ. Lần mua bán xe này có giấy tờ nên L và M không biết đây là xe do trộm cắp mà có. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **7.000.000đ**

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ ngày 13/7/2017, tại nhà số 08 đường F phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Click màu trắng, BKS 82B1-031.35 của chị Nguyễn Thị Hồng P, để trong đường luồng, không khóa cổ xe. T đến dắt xe máy trên ra đường rồi nhờ người đi đường đẩy xe tẩu thoát. Sau đó, T bán cho L với giá 2.300.000đ. L gọi cho Hà Phước Q nói “đi đây với tao xí”, rồi L qua chở Quốc đi đến chỗ hẹn lấy xe. Sau khi lấy xe về L đăng lên mạng và bán cho chị Trần Thị Kim D với giá 4.000.000đ. L điện thoại cho M, rủ M đi đến bán xe, M đồng ý. Sau khi bán xong, L lấy 2.300.000đ. Số tiền còn lại cả hai chia nhau. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **12.000.000đ.**

Vụ thứ 4: Khoảng 01 giờ ngày 27/7/2017, tại nhà số 42 đường F, phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 79N2-228.43 của anh Phạm Gia H. Sau đó, T gọi điện cho L trao đổi mua bán xe với giá 3.500.000 đồng, L đồng ý. L điện cho Hà Phước Q nói “đi đây với tao xí”. Khi đến điểm hẹn lấy xe về L đăng lên mạng và bán cho Nguyễn Văn Đ với giá 5.800.000đ. L cho Quốc 400.000đ. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **7.000.000đ.**

Vụ thứ 5: Khoảng 02h30' ngày 18/8/2017, tại dãy phòng trọ số 16 đường F, thuộc phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đỏ- đen, BKS 81B1-472.33, của chị Lê Thúy V. Sau đó, T rao bán xe trên mạng và bán xe cho Nguyễn Văn Đ với giá 4.000.000đ. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **12.000.000đ.**

Vụ thứ 6: Khoảng 03 giờ ngày 24/8/2017, tại quán Internet số 197 đường P, phường F, quận N, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Novo LX màu trắng đen, BKS 43K1-076.18; của anh Ngô Văn H. Sau đó, T gọi điện cho Nguyễn Văn Đ để bán xe, Đức giới thiệu Nguyễn Văn H để mua với giá 3.400.000đ. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **7.000.000đ.**

Vụ thứ 7: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26/8/2017, tại quán Internet số 197 đường P, phường F, quận N, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen BKS 43B1-045.33 của anh Trần Châu Quốc B. Sau đó, T rao bán xe trên mạng bán cho anh Đặng Văn H do xe có giấy tờ nên anh H mua với giá 25.500.000đ. H bán lại xe cho anh Trương Công H với giá 30.900.000đ. Anh Trương Công H bán lại xe cho Huỳnh Q với giá 32.800.000đ. Anh Q bán lại xe cho Phan L với giá 33.300.000đ. Anh L bán lại xe cho Lê Thanh T với giá 35.000.000đ. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **20.000.000đ.**

Ngoài các lần trên, Lê Văn T và Bùi Tá V khai nhận còn trộm cắp 04 xe mô tô khác như sau:

Khoảng 19 giờ một ngày giữ tháng 6/2017 tại quán Internet số 197 Đường P, phường F, quận N, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe Click không nhớ BKS. (Tài sản chưa thu hồi, chưa xác định được bị hại).

Khoảng 01 giờ ngày 11/7/2017, tại quán Internet số 197 đường P, phường F quận N, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Future màu đen BKS 37E1-466.32, T điện thoại bán cho Phạm Phước L và Lê Cao

M giá 3.500.000đ. Sau đó, L bán lại xe cho anh Nguyễn Đình H (Sinh năm 1982, trú xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Nam) với giá 6.000.000đ (tài sản thu hồi, chưa xác định được bị hại). Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **7.000.000đ**.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/7/2017 tại số 24 Dương Bá Trạc, phường G, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen BKS 43X3-9098. Sau đó, T gọi điện cho L trao đổi bán xe với giá 2.000.000đ, L đồng ý. L điện thoại rủ M cùng đi đến địa điểm cũ lấy xe. Khi lấy xe về L rao bán trên mạng cho anh Võ Đăng L và chị Nguyễn Lê Thùy T với giá 3.800.000đ. Sau khi bán xe xong L lấy 2.000.000đ tiền mua xe, số tiền còn lại L và M chia đều nhau. Tài sản chiếm đoạt có giá trị có giá trị: **12.000.000đ**.

Khoảng 20 giờ ngày 05/8/2017 tại khu vực Helio phường K, quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp 01 xe Sirius không rõ BKS, sau đó T bán cho 1 người trên mạng không rõ họ tên lai lịch với số tiền 2.000.000đ. (Tài sản chưa thu hồi, chưa xác định được bị hại).

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận R đã quyết định:

- Căn cứ vào Điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 28/8/2017.

- Căn cứ vào Điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bùi Tá V 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 28/8/2017.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm Phước L 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Cao M 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/4/2018, bị cáo Bùi Tá V có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 03/5/2018, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 07/5/2018, bị cáo Phạm Phước L và Lê Cao M có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L, Lê Cao M có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận R đã xét xử bị cáo Lê Văn T 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Bùi Tá V 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; xét xử bị cáo Phạm Phước L 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Lê Cao M 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ y án sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L, Lê Cao M vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Phước L, Lê Cao M thống nhất về tội danh và điều luật mà án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo, nhưng đề nghị HĐXX xem xét những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu, nhiều lần tiêu thụ chứ không phải phạm tội nhiều lần; đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo đã nộp đầy đủ các khoản thu lợi bất chính để sung vào công quỹ Nhà nước, đây là tình tiết nếu không thuộc điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì cũng phải thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L, Lê Cao M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/7/2017 đến ngày 26/8/2017, trên địa bàn quận R, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn T và Bùi Tá V có hành vi trộm cắp xe mô tô của chị Trần Minh H, anh Bùi Minh V, anh Đặng Đức K, chị Nguyễn Thị Hồng P, anh Phạm Gia H, chị Lê Thị Thúy V, anh Ngô Văn H, anh Trần Châu Quốc B. Trong đó, T thực hiện 08 vụ chiếm đoạt 77.000.000 đồng, V thực hiện 05 vụ chiếm đoạt 53.000.000 đồng. Phạm Phước L và Lê Cao M mặc dù biết tài sản do Lê Văn T và Bùi Tá V trộm cắp mà có nhưng L và M đã đồng ý mua để bán lại kiếm lời. Phạm Phước L thực hiện 05 vụ, tổng giá trị tài sản L mua 43.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.050.000 đồng; Lê Cao M thực hiện 03 vụ, tổng giá trị tài sản M mua 31.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.750.000 đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 07/4/2018 của Tòa án nhân dân quận R đã xét xử các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; xét xử các bị cáo Phạm

Phước L và Lê Cao M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn T và Bùi Tá V phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp và giá trị tài sản chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng nên phải chịu các tình tiết định khung quy định tại các điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T là người cầm đầu khởi xướng, bị cáo V tham gia với vai trò giúp sức, số lần phạm tội ít hơn nên chịu mức án thấp hơn bị cáo T. Đối với bị cáo Phạm Phước L và Lê Cao M, mặc dù biết tài sản do T và V trộm cắp mà có nhưng L và M đã đồng ý mua để bán lại kiếm lời, phạm tội nhiều lần thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó đối với các bị cáo cần xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật, xử phạt bị cáo Lê Văn T 04 năm tù, bị cáo Bùi Tá V 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” là nhẹ; xử phạt bị cáo Phạm Phước L 12 tháng tù, bị cáo Lê Cao M 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo L và M đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính theo bản án sơ thẩm (bị cáo L đã nộp 5.050.000 đồng theo biên lai thu số 07959 ngày 17/7/2018 và bị cáo M đã nộp 2.750.000 đồng theo biên lai thu số 07960 ngày 19/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng) đây là tình tiết mới, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận cho các bị cáo. Tuy nhiên, đây là tiền truy thu sung công quỹ chứ không phải tiền bồi thường thiệt hại hay khắc phục hậu quả nên không thể áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, mà chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cho hai bị cáo là phù hợp. Với hành vi của các bị cáo Phạm Phước L và Lê Cao M, án sơ thẩm xử bị cáo L 12 tháng tù, bị cáo M 09 tháng tù là phù hợp, không nặng. Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên theo Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, không thể cho các bị cáo hưởng án treo. Riêng đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không đúng, theo Điều 250 Bộ luật Hình sự 1999 thì tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có không quy định định lượng, do vậy mỗi một lần tiêu thụ là một lần phạm tội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận luận cứ của Luật sư. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo Phạm Phước L, Lê Cao M; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo mà không áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 là chưa chính xác nên HĐXX sẽ điều chỉnh lại cho đúng.

[3]. Tại phiên tòa các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Phạm Phước L và Lê Cao M xin được hưởng án treo. Ngoài ra không còn có yêu cầu nào

khác. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L, Lê Cao M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L và Lê Cao M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Lê Văn T 04 (bốn) năm** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 28/8/2017.

- Căn cứ vào Điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Bùi Tá V 03 (ba) năm** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 28/8/2017.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Phạm Phước L 12 (mười hai) tháng** tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Tuyên quy trừ số tiền 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng bị cáo L đã nộp ngày 17/7/2018 theo biên lai thu số 07959 của Chi cục thi hành án dân sự quận R, thành phố Đà Nẵng để bảo đảm thi hành án.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 Điều 7; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Lê Cao M 09 (chín) tháng** tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Tuyên quy trừ số tiền 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng bị cáo M đã nộp ngày 19/7/2018 theo biên lai thu số 07960 của Chi cục thi hành án dân sự quận R, thành phố Đà Nẵng để bảo đảm thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lê Văn T, Bùi Tá V, Phạm Phước L, Lê Cao M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu ;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu ;
- Toà án nhân dân quận Hải Châu ;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trọng Danh

